

Số: 190/2024/QĐST-VLĐ

Dĩ An, ngày 11 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG
V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Đào Thị Thu Vân.

Thư ký phiên họp: Ông Trần Hồng Sơn - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên họp: Ông Lê Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 304/2024/TLST-VLĐ, ngày 27/11/2024 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 161/2024/QĐST-LĐ ngày 06 tháng 12 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- ***Người yêu cầu:*** Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1975. Địa chỉ thường trú: số B, ấp H, xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang; địa chỉ liên hệ: số B, ấp B, phường B, Thành phố T, tỉnh Bình Dương; có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1991. Địa chỉ thường trú: số B, ấp K, xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang; địa chỉ liên hệ: số B, ấp B, phường B, Thành phố T, tỉnh Bình Dương; có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt;

2. Công ty Cổ phần P; địa chỉ: đường số B, Khu công nghiệp S, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty: Ông Tay Kim H, chức vụ: Tổng Giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty: Bà Trần Minh T1, sinh năm 1989, địa chỉ: Đường B, Khu công nghiệp S, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương (người đại diện theo văn bản ủy quyền ngày 09/12/2024). Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

3. Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: đường T, Khu T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Dương Văn T2, sinh năm 1988; địa chỉ: Đường T, Trung tâm hành chính D, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương, là người đại diện

theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 29/11/2024); có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:

Tại đơn yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim T trình bày: Bà Nguyễn Thị Kim T tiến hành điều chỉnh thông tin bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế thì bên Bảo hiểm xã hội rà soát và phát hiện hồ sơ bảo hiểm của bà T bị trùng. Lý do bị trùng bảo hiểm: Do lúc trước chưa hiểu rõ thông tin về vấn đề đóng Bảo hiểm xã hội nên bà T có cho em gái của bà T là bà Nguyễn Thị C mượn thông tin cá nhân của bà T để giao kết hợp đồng lao động tại Công ty Cổ phần P khoảng từ tháng 01/2004 đến tháng 02/2004, đóng BHXH số: 9104003668. Do đó, bà T yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị Kim T (do bà Nguyễn Thị C ký thay) và Công ty Cổ phần P vô hiệu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần P do bà Trần Minh T1 đại diện trình bày: Dựa trên dữ liệu của Công ty thì bà Nguyễn Thị Kim T đã nghỉ việc tại Công ty vào ngày 06/02/2004 và cho đến nay là đã 20 năm nên Công ty không còn lưu trữ hồ sơ lao động. Chính vì vậy không thể cung cấp chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Ngoài ra, khi xin việc bà T đã nộp đầy đủ hồ sơ theo quy định nên Công ty đã tuyển dụng và không hề biết việc bà T đã mượn hồ sơ của người khác để nộp vào Công ty. Nên, đây hoàn toàn là lỗi bà T. Nay bà T yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà T và Công ty Cổ phần P vô hiệu thì Công ty không có ý kiến và yêu cầu gì trong vụ án, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Đồng thời đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Cơ quan Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương do ông Dương Văn T2 đại diện trình bày:

Qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu tham gia bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) của Công ty Cổ phần P cho người lao động thì Công ty có tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho bà Nguyễn Thị Kim T sinh năm 1975, số CCCD 091175014483, với mã số BHXH 9104003668 từ tháng 01/2004 đến tháng 02/2004 tại Công ty Cổ phần P chưa nhận trợ cấp BHXH một lần. Ngoài ra, bà Nguyễn Thị Kim T có quá trình tham gia BHXH, BHYT, BHTN từ tháng 10/2014 đến tháng 03/2018 tại Công ty TNHH P1, với mã số 7414193388, đã nhận trợ cấp BHXH 1 lần. Về đề nghị yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu giữa bà Nguyễn Thị Kim T và Công ty Cổ phần P, đề nghị Tòa án căn cứ theo Điều 9, Điều 10, Điều 11 của Nghị định số 145/2020/NĐ-CP quy định về việc xử lý hợp đồng lao động vô hiệu để tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu. Về hợp đồng lao động, giấy tờ tùy thân của bà Nguyễn Thị Kim T thì cơ quan BHXH không có lưu trữ những hồ sơ này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị C trình bày:

Vì lúc trước chưa tìm hiểu rõ thông tin về vấn đề đóng bảo hiểm xã hội nên bà C có sử dụng thông tin của chị gái là Nguyễn Thị Kim T để giao kết Hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần P khoảng từ tháng 01/2004 đến tháng 02/2004 và có tham gia BHXH tại Công ty Cổ phần P. Do đó, khi bà T liên hệ Bảo hiểm xã hội thành phố D xin điều chỉnh thông tin bảo hiểm xã hội thì nhận được thông báo là thông tin bảo hiểm bị trùng vì lý do nêu trên. Vì vậy, bà C đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà T, để bà T điều chỉnh lại thông tin BHXH.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự và đề nghị:

Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và đương sự đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Xét thấy, yêu cầu của người yêu cầu là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc lao động được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà T, bà C, Công ty Cổ phần P, Bảo hiểm xã hội thành phố D có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Quá trình tố tụng các đương sự khai thống nhất trình bày như sau: Người lao động tên Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1975, số căn cước công dân 091175014483, quá trình tham gia bảo hiểm có 02 mã BHXH: Đối với mã bảo hiểm xã hội số: 9104003668 từ tháng 01/2004 đến tháng 02/2004 tại Công ty Cổ phần P chưa nhận trợ cấp BHXH một lần; đối với mã bảo hiểm xã hội số: 7414193388 từ tháng 10/2014 đến tháng 03/2018 tại Công ty TNHH P1 đã nhận trợ cấp BHXH 1 lần. Bà T và bà C xác định thời gian từ tháng 01/2004 đến tháng 02/2004 bản thân bà T không làm việc cho Công ty Cổ phần P, nhưng em gái của bà T tên là Nguyễn Thị C mượn thông tin cá nhân của bà T để ký hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần P và làm việc tại Công ty Cổ phần P từ tháng 01/2004 đến 02/2004.

[3] Xét lời trình bày của các đương sự thấy rằng: Bà T tham gia ký kết hợp đồng lao động cùng một lúc 02 công ty, đó là Công ty Cổ phần P và Công ty TNHH P1, nhưng thực tế người làm việc tại Công ty Cổ phần P là bà C (em ruột của bà T) vì bà C mượn thông tin cá nhân của bà T để tham gia lao động. Bản thân bà T và bà C không hề biết sự việc này là vi phạm pháp luật. Lời trình bày của bà T, bà C là phù hợp với hồ sơ bảo hiểm xã hội thể hiện trong thời gian từ tháng 01/2004 đến tháng 02/2004, bà Nguyễn Thị Kim T có quá trình tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty Cổ phần P với mã số BHXH: 9104003668 và trong thời gian từ tháng 10/2014 đến tháng 03/2018, bà Nguyễn Thị Kim T có quá trình tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH P1 với mã số BHXH: 7414193388. Xét thấy việc bà C lấy tên bà T và giấy tờ tùy thân của bà T để giao kết hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần P là hành vi lừa dối về mặt chủ thể khi xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994, sửa đổi bổ sung năm 2006. Do đó việc bà Nguyễn Thị Kim T yêu cầu tuyên bố vô hiệu hợp đồng lao động từ tháng 01/2004 đến tháng 02/2004 giữa bà Nguyễn Thị Kim T (do bà Nguyễn Thị C mượn tên) với Công ty Cổ phần P là có căn cứ theo quy định tại Điều 127, Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005, các đương sự khác cũng thống nhất, không có tranh chấp. Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Các đương sự xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Sau khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[4] Về lệ phí: Bà Nguyễn Thị Kim T phải chịu theo quy định.

[5] Ý kiến và đề nghị của kiểm sát viên tại phiên họp phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

Từ các lễ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều: 15, 16, 49 của Bộ luật Lao động năm 2019;

Căn cứ vào các Điều: 149, 367, 401, 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của bà Nguyễn Thị Kim T.

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1975, số CCCD 091175014483 với Công ty Cổ phần P vô hiệu.

Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Bà Nguyễn Thị Kim T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số: 0001921 ngày 15/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

4. Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục Thi hành án Dĩ An;
- Các đương sự;
- Hồ sơ;
- Lưu./.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

(Đã ký)

Đào Thị Thu Vân